TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2020
"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đình Xuân**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Tuân** và ông **Nguyễn Mạnh Cường**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ:*** Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Đức T** - Sinh năm 1985
Nơi cư trú: Khu 3, (trước là khu 5) xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H** - Sinh năm 1987.
Nơi cư trú: Khu 3 (trước là khu 5) xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Anh T có mặt, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Anh Trần Đức T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H, cụ thể theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 16/8/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh tại xã Đ, huyện T. Vợ chồng sống chung được khoảng 02 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do có nhiều bất đồng về quan điểm, lối sống, tính cách không hợp, thường xuyên xảy ra

xích mích, cuộc sống vợ chồng không được hòa thuận. Do bất đồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên vợ chồng anh đã chính thức sống ly thân nhau từ 04 năm nay không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể quay về sống chung với nhau được nữa, tình cảm không còn vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Anh và chị H đã có với nhau 04 con chung gồm: Trần Diệu L, sinh ngày 12/8/2006; Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2009; Trần Quỳnh A, sinh ngày 15/6/2012 và Trần Bình A, sinh ngày 25/8/2015. Cả 04 con chung vẫn ở cùng với anh và bố mẹ đẻ anh tại xã Đ, huyện T. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả 04 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh và chị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành thủ tục hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng chị H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân giữa anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Thanh H kể từ khi kết hôn cho đến nay và xét yêu cầu của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra những bất đồng mâu thuẫn do quan điểm, tính cách và không có sự tin tưởng đối với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống là những nguyên nhân chính làm cho hôn nhân không thực sự hạnh phúc. Do mâu thuẫn bất đồng ngày càng nghiêm trọng không tự giải quyết được nên vợ chồng đã phải sống ly thân. Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án và thực tế, thì từ nhiều năm nay quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H đã không còn tồn tại, vợ chồng đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ th- ơng yêu, quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu cứ tiếp tục ràng buộc thì hôn nhân sẽ không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Vì vậy, xét

yêu cầu ly hôn của anh T là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đ- ợc chấp nhận.

[3]. Về con chung**:** Anh T và chị H có với nhau 04 con chung, từ trước đến nay con chung vẫn đều ở với anh T và bố mẹ anh T tại xã Đ, huyện T. Qua xác minh tại địa phương thì cả 04 con chung đang có cuộc sống ổn định, được anh T và gia đình chăm sóc học tập đầy đủ. Về phía chị H vắng mặt nên không có nguyện vọng về việc nuôi con chung. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, thì yêu cầu được nuôi con chung của anh T là hoàn toàn chính đáng, việc giao các con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho con chung tiếp tục có cuộc sống ổn định, được chăm sóc học tập và phát triển đầy đủ, toàn diện, phù hợp với điều kiện thực tế và cũng hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H vắng mặt, anh Thắng tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không đặt ra nghĩa vụ cấp d- ỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh T trình bày không có, nhưng do chị H vắng mặt nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Anh Trần Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi d- ỡng, chăm sóc con chung của anh Trần Đức T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho Trần Đức T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

- Về con chung: Giao cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 04 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 12/8/2006; Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2009; Trần Quỳnh A, sinh ngày 15/6/2012 và Trần Bình A, sinh ngày 25/8/2015 (hiện nay cả 04 con chung đều đang ở cùng anh T và bố mẹ đẻ anh T tại tại khu 3 xã Đ, huyện T ,tỉnh Phú Thọ). Chị Nguyễn Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án

ly hôn này, mà sẽ được giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí**:** Anh Trần Đức T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2016/0001876 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã Đ, h. Thanh Ba;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Đình Xuân